TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2018/HS-ST
Ngày 24 - 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung;
2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2018/HSST ngày 10/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST - HS ngày 27/9/2018 đối với bị cáo:

Bị cáo Tống Văn L, sinh năm 1999; Nơi ĐKHKTT: Xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang; Nơi ở: Thôn C, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Tống Văn Th và bà Hoàng Thị O.

Nhân thân:

- Ngày 18/4/2018, Tống Văn L bị Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Vĩnh Phúc khởi tố về tội "Giết người" theo quy định tại Điều 123 Cơ quan cảnh sát điều tra.
- Ngày 15/6/2014 bị Công an xã H xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.
- Ngày 20/8/2014, bị Công an xã H xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.
- Ngày 26/10/2014 Chủ tịch UBND xã H ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời gian 3 tháng.
- Ngày 16/3/2015, Công an xã H xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản (Không tìm thấy tài liệu).

Tiền sự:

- Ngày 14/7/2015, Tòa án nhân dân huyện N ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thời gian 6 tháng, kể từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi trường giáo dưỡng. Ngày 22/01/2016, Tống Văn L chấp hành xong.

- Ngày 30/01/2016, Công an xã H quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000đ về hành vi chiếm đoạt tài sản. Hiện Tống Văn L chưa chấp hành quyết định này.

- Ngày 14/3/2016, Công an xã H quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000đ về hành vi chiếm đoạt tài sản. Hiện Tống Văn L chưa chấp hành quyết định này.

- Ngày 12/5/2016, Chủ tịch UBND xã H quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 3 tháng. Tống Văn L đang chấp hành quyết định này thì tiếp tục vi phạm nên ngày 28/6/2016, Tòa án nhân dân huyện N áp dụng biện pháp xử lý đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 12 tháng. Ngày 12/7/2017, Tống Văn L chấp hành xong quyết định này.

- Ngày 18/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử về tội "Giết người" tại bản án số 44/2018/HS-ST.

Tiền án: Chưa.

Bị cáo Tống Văn L hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc "có mặt".

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn DO, sinh năm 1995 "vắng mặt".

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 "vắng mặt".

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Anh Đỗ Văn Th, sinh năm 1977 "vắng mặt".

Địa chỉ: Số nhà 662, phố Đ, Thị trấn Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tống Văn L và các anh Nguyễn Văn DO, Vương Đức Đoàn, Giáp Văn Phòng là bạn chơi với nhau. Chiều ngày 26/01/2018, Tống Văn L rủ anh Vương Đức Đoàn, anh Giáp Văn Phòng đến nhà anh Nguyễn Văn DO chơi và ăn cơm tối. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Đoàn và Phòng ngủ lại nhà DO, còn DO cùng L đi uống nước rồi đến một nhà nghỉ ở khu vực cầu Trại Mít, xã Tiên Nha, huyện N để ngủ. Khoảng 06 giờ sáng ngày 27/01/2018, L cùng DO về nhà DO thì thấy Phòng và Đoàn đã ngủ dậy và đang ngồi uống nước trong nhà DO. L và DO đứng ở ngoài sân nói chuyện, sau đó Phòng và Đoàn cũng ra ngoài sân nói chuyện cùng với DO và L. Lúc này L hỏi DO "Anh cho em mượn xe đi ăn cỗ, trưa về em trả anh". Do tin tưởng nên DO đồng ý cho L mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter màu xanh - đen, biển kiểm soát 98F1-17834 và đưa chìa khóa xe cho L, trong cốp xe mô tô của anh DO đã để sẵn các loại giấy tờ gồm: 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy đăng ký xe biển số 98F1-17834 đều mang tên Nguyễn Văn DO và 01 giấy mua bán xe máy của cửa hàng bán xe viết cho anh DO. Anh Phòng nói với L cho Phòng và Đoàn đi nhờ lên quán Internet chơi. Sau đó L chở Phòng, Đoàn đến ngã ba Chằm, xã H, huyện N thì Phòng và Đoàn xuống xe, L đi đám cưới bạn. Đến chiều cùng ngày anh DO thấy L không mang xe về trả đã gọi điện cho L để đòi xe thì L nói đi ăn cỗ bạn chưa về. Sau đó L dùng xe của DO đi chơi

một số nơi. Đến sáng ngày 28/01/2018, do hết tiền nên L nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mượn của anh DO để lấy tiền chi tiêu. L đi chiếc xe trên đến nhà anh Nguyễn Văn T để cầm cố. L khai nói với T là xe của ông anh quen biết, đồng ý cho cắm xe, đồng thời L đưa giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn DO cho T xem thì T đồng ý nhận cầm cố chiếc xe trên của L với số tiền 19.000.000đ. Sau khi nhận từ T số tiền 19.000.000đ L đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 12/02/2018, L quay lại nhà T và bảo T đưa L đi bán chiếc xe trên để L lấy tiền trả cho T, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô Exciter, biển kiểm soát 98F1-17834 chở L đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của anh Đỗ Văn Th để bán. Tại đây, L tự xưng tên là DO là chủ xe và đưa chứng minh nhân dân cùng giấy đăng ký xe cho anh Th xem. Thấy L tự xưng tên là DO, T cũng nói với anh Th "Em bảo đảm với anh thằng này là chủ xe, sai đâu em chịu trách nhiệm". Anh Th xem giấy tờ xe, kiểm tra xe, đối chiếu số khung, số máy, biển số thấy trùng khớp với đăng ký xe, thấy ảnh trong giấy chứng minh nhân dân là DO nên anh Th đã tin tưởng và đồng ý mua xe của L với giá 35.500.000đ. Anh Th đưa cho L viết "Giấy cam kết bán xe máy", đề ngày 12/2/2018, L ghi ở các mục "Tên tôi là…chủ xe…người bán…là Nguyễn Văn DO", sau đó L ký ở mục người bán xe, T ký ở mục "Người làm chứng". L giao xe, giấy đăng ký xe và giấy cam kết bán xe cho anh Th giữ. L giữ lại chứng minh thư nhân dân và giấy bán xe của anh DO. Sau đó L đã vứt chứng minh thư nhân dân và giấy bán xe của anh DO ở đâu L không nhớ.

Ngày 06/4/2018, anh Đỗ Văn Th đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter màu xanh - đen, biển kiểm soát 98F1-17834; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98F1-17834 mang tên Nguyễn Văn DO, 01 giấy cam kết bán xe máy đề ngày 12/2/2018 cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện N và trả lại xe cho anh Nguyễn Văn DO, anh DO không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Anh Đỗ Văn Th yêu cầu buộc Tống Văn L phải trả lại tiền mua xe là 30.000.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 18/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter màu xanh - đen, biển kiểm soát 98F1-17834 có giá trị 46.350.000đ.

Nguyễn Văn T khai: Ngày 28/01/2018, Tống Văn L đi chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter màu xanh - đen, biển kiểm soát 98F1-17834 đến nhà T và nói muốn cắm chiếc xe trên cho anh T. L đưa chứng minh thư và giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn DO cho T xem. T nghĩ đây là xe L đã mua lại của người khác nên đồng ý nhận cầm cố cho L chiếc xe với giá 19.000.000đ. Chiều ngày 12/02/2018, L đến nhà bảo T cho L lấy xe đi bán để L lấy tiền trả cho T. Khi T đưa L đến cửa hàng mua bán xe máy nhà anh Th, T thấy L nói với anh Th tên L là DO. T nghĩ L nói dối như vậy để bán dễ dàng hơn nên T đã hùa theo L và nói với anh Th người bán là DO, T còn ký vào mục "Người làm chứng" trong "Giấy cam kết bán xe máy". Sau đó L đưa cho T số tiền 21.000.000đ (gồm 19.000.000đ tiền cắm xe và 2.000.000đ tiền lãi).

Bị cáo L trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Bị cáo đồng ý yêu cầu của anh Th, trả lại cho anh Th số tiền mua xe 30.000.000đ.

Bản cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 07/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân

huyện N, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Tống Văn L về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 175 Bộ L hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều L như đã viện dẫn ở trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tống Văn L phạm tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Áp dụng Khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ L hình sự: Xử phạt bị cáo Tống Văn L từ 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ L hình sự buộc bị L trả lại cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí, quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ L tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội của bị cáo:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai của bị cáo L phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, lời khai của các đương sự khác, cùng toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Buổi sáng ngày 27/01/2018, Tống Văn L hỏi mượn của anh Nguyễn Văn DO chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter màu xanh - đen, biển kiểm soát 98F1-17834, để đi ăn cỗ và hẹn đến trưa cùng ngày mang xe trả anh DO. Đến sáng ngày 28/01/2018, do cần tiền chi tiêu nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh DO, L mang chiếc xe biển kiểm soát 98F1-17834, có trị giá 46.350.000đ đi cầm cố, số tiền cầm cố xe bị cáo đã chi tiêu hết dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho anh DO; Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp L bảo vệ. Vì vậy đã đủ yếu tố cấu thành tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 175 của Bộ L hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp L nên Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1, Điều 51 Bộ L hình sự.

Căn cứ vào tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm bất hợp pháp đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên bị cáo có tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước ta. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền, do bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

[5] Về vấn đề bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về những vấn đề khác:

Trong vụ án này, anh Đỗ Văn Th chỉ yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền bỏ ra mua xe 30.000.000đ, tại phiên tòa bị cáo L đồng ý, căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ L hình sự, buộc bị cáo L phải trả lại cho anh Th số tiền trên.

Đối với Nguyễn Văn T là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô Exciter, biển kiểm soát 98F1-17834 của L, T không biết chiếc xe đó bị cáo phạm tội mà có. Sau đó T đưa L đến bán chiếc xe này cho anh Đỗ Văn Th mục đích để lấy lại tiền gốc và tiền lãi đã đưa cho bị cáo. Quá trình điều tra, lời khai của L và lời khai ban đầu của T về nguồn gốc chiếc xe còn chưa thống nhất, nhưng đều thể hiện T không được biết đó là xe do L phạm tội mà có. Hiện nay Nguyễn Văn T vắng mặt tại gia đình và địa phương nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện N không tiến hành cho đối chất giữa Tống Văn L và Nguyễn Văn T được. Căn cứ vào kết quả điều tra thì chưa đủ căn cứ xác định hành vi của Nguyễn Văn T cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra vẫn tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ thì xử lý đối với Nguyễn Văn T sau.

Đối với anh Đỗ Văn Th khi mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98F1-17834 của Tống Văn L, anh Th không biết đó là xe do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cấp xử lý.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ L tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Tống Văn L phạm tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ L hình sự.

Xử phạt bị cáo Tống Văn L 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ L hình sự: Buộc bị cáo Tống Văn L phải trả lại cho anh Đỗ Văn Th số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

2. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ L tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Tống Văn L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm .

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã H;
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh